TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HC-PT
Ngày 26-02-2019
V/v khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 146/2018/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc *khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2017/HC-ST ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1172/2019/QĐPT-HC ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị Đ sinh năm 1954;

Địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức Th, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; (sau đây gọi tắt là UBND).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hồi, chức vụ; Chủ tịch UBND thị xã.

Địa chỉ: Phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh T sinh năm 1981, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã (văn bản ủy quyền số 629/UQ-UBND ngày 03/3/2017 của Chủ tịch UBND thị xã); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Vũ Đắc C, sinh năm 1971 - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Q, có mặt.

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1959 - Phó phòng tài nguyên và môi trường thị xã Q, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hoài S, sinh năm 1970; chức vụ: Chủ tịch UBND phường, có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trần Thị Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm số 37/2017/HC-ST, ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, nội dung vụ án như sau:

Ngày 11/7/2016, UBND thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 2562/QĐ-UBND (sau đay gọi tắt là Quyết định 2562) về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giảm trừ tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn Uông Bí - Hạ Long tại phường Đ, thị xã Q. Không đồng ý với quyết định của UBND thị xã Q, bà Trần Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh hủy Quyết định 2562 để lập lại phương án đền bù đối với phần đất đã thu hồi của gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật

** Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm như sau:*

Năm 2012 gia đình bà Đ bị thu hồi 153,3m^2 đất để nâng cấp cải tạo Quốc lộ 18A; trong số diện tích đất bị thu hồi gia đình bà chỉ được bồi thường 44,55m^2, còn lại 108,75m^2 bà không được bồi thường, hỗ trợ gì về đất. Nguồn gốc đất của bà do gia đình bà quản lý, sử dụng từ năm 1989 đến nay; không đồng ý với việc

làm của UBND thị xã Q bà đã khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh giải quyết khiếu nại, tại Quyết định giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã giao cho UBND thị xã Q xác định lại phần diện tích đất thuộc thửa số 181, bản đồ địa chính năm 1993 trên cơ sở đó điều chỉnh phương án bồi thường đất cho hộ bà Đ theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Quyết định 2562 lại không thực hiện việc bồi thường đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất đã giao cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể: 153,3m^2 đất thu hồi xác định:

- 37,5m^2 là đất ở đã được cấp cho bà Đ nên được bồi thường hỗ trợ.

- 29,4m^2 đất (đã được cấp GCNQSD đất) nhưng không được bồi thường hỗ trợ gì;

- 86,62m^2 cho rằng là đất hành lang giao thông nên không được bồi thường hỗ trợ gì.

Về nguồn gốc đất, năm 1987 gia đình bà được cấp một quả đồi, năm 1996 nhà nước mở đường vào sát đất của bà nhưng gia đình bà không được đền bù đất mà chỉ được bồi thường giá trị tài sản 1.000.000 đồng, sau đó không sử dụng gì cho việc làm đường, gia đình bà có xây bờ rào bằng gạch, xây 01 quán nước, làm sân quán để ngồi bán hàng, sử dụng từ đó đến nay. Năm 2009 gia đình bà xin cấp GCNQSD đất với toàn bộ diện tích đất và nhà đang sử dụng (khoảng hơn 1.000m^2) nhưng chỉ được cấp cho gia đình bà 600m^2, trong đó 400m^2 đất ở và 200m^2 đất vườn tạp. Do diện tích ít hơn thực tế sử dụng nên năm 2011 gia đình bà xin cấp bổ sung vào GCNQSD đất và tách một phần đất cho ông Nguyễn Văn Â. Tại GCNQSD đất năm 2011 đã cấp cho gia đình bà là 1.212m^2.

Ngoài ra , theo sơ đồ kèm theo phương án trên thì còn một phần diện tích đất đã thu hồi nhưng chưa đưa vào phương án điều chỉnh, đó là phần diện tích phía trên diện tích đất mà gia đình chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Â.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung trên

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 (Quốc Lộ 18A) đoạn thành phố Uông Bí - thành phố Hạ Long, ngày 28/3/2012, UBND thị xã Q đã ban hành thông báo số 93/TB-UBND về việc thu hồi đất của một số hộ dân để thực hiện dự án; trong đó hộ gia đình bà Đ bị thu hồi 153,3m^2 thuộc thửa số 52, tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 02 (Tương ứng thửa số 181, tờ bản đồ địa chính số 6, diện tích 600m^2). Căn cứ GCNQSD đất số BD 431349, cấp ngày 10/01/2011 của bộ bà Đ (sau đây gọi tắt là GCNQSD đất số 431349), nguồn gốc, quá trình sử

dụng đất, tài sản trên đất liên quan đến diện tích 153,3m^2 đất bị thu hồi của gia đình bà Đ; UBND thị xã Q đã ban hành Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 19/7/2012 thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ bà Đ tại Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 23/7/2012; trong đó xác định bồi thường cho hộ gia đình bà Đ 44,55m^2 ở trong GCNQSD đất số 431349, còn lại diện tích 108,75m^2 không bồi thường hỗ trợ vì xác định đây là đất hành lang giao thông Quốc lộ 18. Tổng giá trị hộ bà Đ được bồi thường hỗ trợ là 395.794.200 đồng, ngày 26/7/2012 bà Đ đã nhận đủ số tiền trên và bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, bà Trần Thị Đ tiếp tục có đơn khiếu nại đề nghị được bồi thường diện tích 108,75m^2 là đất vườn liền kề đất ở, vì cho rằng diện tích đất này nằm trong GCNQSD đất của gia đình bà.

Sau khi kiểm tra, xác minh Chủ tịch UBND thị xã Q đã ban hành Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 giải quyết khiếu nại và không chấp nhận đề nghị của bà Trần Thị Đ; không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại, bà Đ tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh; sau khi xác minh có căn cứ rằng:

Gia đình bà Trần Thị Đ sử dụng thửa đất số181, tờ bản đồ địa chính số 6 xã Đ lập năm 1993, diện tích 600m^2; năm 1996, sau khi giải phóng mặt bằng Quốc lộ 18 nhà nước thu hồi tạm thời 55,3m^2, sau đó đã hoàn trả lại cho gia đình bà Đ. Theo hồ sơ giải phóng mặt bằng Quốc lộ 18 năm 1996 thì cạnh AB tiếp giáp Quốc lộ 18 của thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 6, có điểm A nằm trên chỉ giới thu hồi vĩnh viễn cách tim đường Quốc lộ 18 là 7,9m và điểm B nằm trên chỉ giới thu hồi tạm thời cách tim đường Quốc lộ 18 là 12,9m.

Năm 2009, hộ bà Trần Thị Đ xin cấp GCSQSD đất cho thửa số 181 với diện tích là 600m^2 và đã được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất số AP 108171 ngày 14/7/2009, trong đó đất ở 400m^2, đất trồng cây lâu năm 200m^2; tháng 12/2009, hộ gia đình bà Đ xin cấp GCNQSD đất cho phần diện tích đất trồng cây lâu năm nằm tiếp giáp phía sau thửa đất số 181 và được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất số H 06713 ngày 09/12/2009 với diện tích 752m^2 (được ký hiệu là thửa 181/1).

Năm 2010, bà Trần Thị Đ xin chuyển mục đích sử dụng 85m^2 đất trồng cây lâu năm sang đất ở, trong đó có 60m^2 thuộc thửa số 181/1 và 25m^2 thuộc thửa số 181; sau khi được chuyển mục đích sử dụng, hộ bà Trần Thị Đ được cấp GCNQSD đất số BD 431056 ngày 14/12/2010 với diện tích 1.352m^2, trong đó đất ở 485m^2 và đất trồng cây lâu năm 867m^2; đến tháng 01/2011, hộ bà Đ tách thửa chuyển nhượng cho hộ ông Nguyễn Văn Â 140m^2 nên hộ bà Đ được điều

chỉnh cấp lại GCNQSD đất số BD 431349 ngày 10/01/2011 với diện tích 1.212m^2, trong đó đất ở 345m^2, đất trồng cây lâu năm 867m^2. Theo hồ sơ cấp GCNQSD đất số 431349 thì cạnh AB của thửa đất có điểm A cách tim đường Quốc lộ 18 là 10,9m^2 và điểm B cách tim đường Quốc lộ 18 là 11,8m^2.

Như vậy, thửa đất số 181 của bộ bà Đ có cạnh AB tiếp giáp với Quốc lộ 18, năm 1996 khi nâng cấp mở rộng Quốc lộ 18 lần 1 thì cạnh AB có điểm A cách tim Quốc lộ 18 là 7,9m và điểm B nằm trên chỉ giới thu hồi tạm thời cách tim Quốc lộ 18 là 12,9m; đến năm 2011 khi cấp GCNQSD đất số 431349 thì điểm A bị đẩy ra xa cách tim đường Quốc lộ 18 là 10,9m và điểm B cách tim đường Quốc lộ 18 là 11,8m; nên có một phần diện tích đất thuộc góc phía Tây Bắc của thửa đất không được cấp vào GCNQSD đất của bà Trần Thị Đ và ngược lại có một phần diện tích thuộc góc Đông Bắc của thửa đất bị cấp lấn ra hành lang giao thông Quốc lộ 18 (cấp ngoài thửa số 181).

Do việc xác định ranh giới, diện tích đất của thửa 181, tờ bản đồ địa chính số 6 khi lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ bà Trần Thị Đ chưa đúng với ranh giới theo bản đồ địa chính năm 1993, nên ngày 26/6/2014, UBND thị xã Q đã ban hành Quyết định số 4017/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất số BD 432349 ngày 10/01/2011 đã cấp cho ông Lê Đức Thịnh, bà Trần Thị Đ.

Từ các căn cứ trên, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 về giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Đ (lần 2) với nội dung đồng ý với Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của Chủ tịch UBND thị xã Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Đ; giao UBND thị xã Q xác định rõ phần diện tích thuộc thửa số 181 tờ bản đồ địa chính số 6 năm 1993 do hộ bà Đ quản lý sử dụng nhưng chưa được cấp vào GCNQSD đất và phần diện tích thuộc hành lang giao thông Quốc lộ 18 nhưng đã cấp vào GCNQSD đất cho hộ bà Đ, trên cơ sở đó điều chỉnh phương án bồi thường đất cho hộ bà Đ theo đúng quy định.

Thực hiện Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, UBND thị xã Q đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phân tích, xác định phần diện tích thuộc thửa số 181 tờ bản đồ địa chính số 6 năm 1993 do hộ bà Trần Thị Đ quản lý, sử dụng nhưng chưa được cấp vào GCNQSD đất số 431349 và phần diện tích đất thuộc hành lang Quốc lộ 18 (nằm ngoài thửa đất số 181) nhưng đã cấp vào GCNQSD đất số 431349 cho hộ bà Đ; kết quả: Diện tích 153,3m^2 bị thu hồi chỉ có 37,5m^2 là đất ở thuộc thửa 181 được bồi thường; còn lại 115,8m^2 là đất hành lang Quốc lộ 18 nằm ngoài thửa 181 (trong đó 29,54m^2 là diện tích được cấp trong GCNQSD đất số 431349; 86,26m^2 là đất nằm ngoài GCNQSD đất số

431349 đã cấp cho hộ bà Đ) nên không được bồi thường. Căn cứ kết quả phân tích, xác định này UBND thị xã Q đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (điều chỉnh giảm trừ) đối với hộ bà Trần Thị Đ và ngày 11/7/2016 UBND thị xã Q ban hành Quyết định số 2562/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trên (giảm trừ hộ bà Đ 56.400.000đ).

Về trình tự, UBND thị xã Q đã niêm yết công khai Quyết định 2562 theo đúng quy định; ngày 22/11/2016, UBND thị xã Q có công văn số 1908/UBND-TNMT trả lời bà Trần Thị Đ về nội dung bà phải nộp trả số tiền giảm trừ 56.400.000 đồng vào ngân sách nhà nước và đề nghị bà hợp tác để thực hiện việc cấp lại GCNQSD đất cho hộ bà, nhưng bà Đ chưa thực hiện và khởi kiện ra Tòa án.

Đại diện UBND thị xã Q khẳng định, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn thành phố Uông Bí - thành phố Hạ Long, trong đó thực hiện thu hồi 153,3m^2 đất của hộ gia đình bà Trần Thị Đ tại Quyết định số 3110/QĐ-UBND, ngày 19/7/2012; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 và Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền lợi cho hộ bà Đ. Do đó, bà Đ khởi kiện Quyết định số 2562 là không có cơ sở.

** Đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường Đ, thị xã Q trình bày:*

Diện tích đất thu hồi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn thành phố Uông Bí - thành phố Hạ Long của hộ bà Trần Thị Đ là 153,3m^2, trong đó: 10,4m^2 thuộc thửa số 181 tờ bản đồ địa chính năm 1993 do bà Trần Thị Đ quản lý nhưng chưa được cấp GCNQSD đất số 431349; 27,1m^2 đất thuộc thửa số 181 tờ bản đồ số 6 năm 1993 nằm trong GCNQSD đất số 431349 là đất ở; 29,54m^2 là đất giao thông thuộc thửa 478 tờ bản đồ địa chính số 6 năm 1993 nhưng đã được cấp GCNQSD đất số 431349; còn 86,26m^2 là đất giao thông thuộc thửa số 478 tờ bản đồ địa chính số 06 năm 1993 nằm ngoài GCNQSD đất số 431349. Vì vậy, UBND thị xã ban hành Quyết định số 2562 là đúng quy định pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Đ.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 37/2017/HC-ST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định; căn cứ Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; căn cứ Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 2562/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của UBND thị xã Q "về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giảm trừ tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn Uông Bí - Hạ Long tại phường Đ, thị xã Q".

Ngoài ra, Bản án còn buộc nghĩa vụ nộp án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/11/2017 người khởi kiện là bà Trần Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Giữ nguyên các nội dung như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và bổ sung:

Trong phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng các cơ quan có thẩm quyền thống nhất thu hồi của gia đình bà là 153,3m^2 đất ở và đã được ký duyệt cũng như đồng ý của gia đình bà Đ, nhưng trong bản kê khai bồi thường UBND thị xã Q tự ý thay đổi diện tích chỉ còn 44,55m^2 đất ở, còn 108,75m^2 là đất hành lang giao thông là không đúng với thực tế, không đúng với thửa 32 tờ bản đồ địa chính 64, thửa 52 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 2.

Trong phần trích lục, tính toán lại toàn bộ diện tích, cũng như nguồn gốc theo các loại bản đồ thì trong bản phân tích của Trung tâm phát triển quỹ đất đã không chỉ rõ ranh giới thửa 181 tờ bản đồ địa chính số 6 mà chỉ sử dụng phương án theo hồ sơ giải phóng mặt bằng năm 1996 để xác định nguồn gốc và điều chỉnh phương án bồi thường là không đúng với những gì mà UBND thị xã Q và UBND tỉnh Quảng Ninh thống nhất việc xác định rõ nguồn gốc đất cho gia đình bà Đ.

Trong bản trích đo hiện trạng thửa đất, kèm theo biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 25/9/2017 là thửa đất số 32 tờ bản đồ số 64 bản đồ hiện trạng đo năm 2012 (tương ứng thửa cũ 181 + 181/1 tờ bản đồ số 6 cũ) thì phần diện tích hiện trạng này hoàn toàn khác với phần tích hiện trạng ngày 11/7/2016.

- Đại diện người bị kiện trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 2562 ban hành đúng trình tự, có căn

cứ, hộ bà Đ vẫn còn gần 400m^2 đất ở và diện tích vẫn đảm bảo, không làm thay đổi tổng diện tích, hiện vẫn còn 1.162m^2. Nội dung vụ án đến nay đã tương đối rõ ràng; năm 1996 khi nâng cấp Quốc lộ 18 hộ bà Đ chưa được cấp GCNQSD đất nên việc lập hồ sơ lúc đó là chính xác, hộ bà Đ đã công nhận ranh giới; phía bà Đ cho rằng các cạnh của thửa đất lập không chính xác là không có căn cứ.

Vì vậy, phía người bị kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị Đ là đúng pháp luật, nên đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

***** *Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Xét về trình tự ban hành Quyết định số 2562 đúng quy định pháp luật; nội dung Quyết định 2562 có căn cứ, phù hợp với thực tế không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ bà Đ. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Đ là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm không có gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền:

Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giảm trừ tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18A đoạn Uông Bí - Hạ Long tại phường Đ, thị xã Q đối với hộ bà Trần Thi Đoàn; đây là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Do không đồng ý với Quyết định này, ngày 20/02/2017 bà Trần Thị Đ có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Như vậy, bà Đ khởi kiện trong thời hiệu theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân nhân tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định

tại Điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện và người bảo vệ quyền lợi cho đương sự trong vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về Nội dung:

[3]. Để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 (18A) đoạn qua thành phố Uông Bí - thành phố Hạ Long, UBND thị xã Q đã ban hành thông báo số 93/TB-UBND, ngày 28/3/2012 về việc thu hồi đất của một số hộ dân để thực hiện dự án, trong đó có hộ gia đình bà Trần Thị Đ bị thu hồi 153,3m^2 thuộc thửa 52 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 02 (tương ứng với thửa 181 tờ bản đồ địa chính số 6, diện tích 600m^2); căn cứ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, GCNQSD đất số 431349 cấp ngày 10/01/2011 cho hộ bà Trần Thị Đ, ngày 19/7/2012 UBND thị xã Q ban hành Quyết định số 3110/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất trên. Đồng thời ban hành Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, theo đó chỉ bồi thường cho bà Đ diện tích 44,55m^2, còn 108,75m^2 không được bồi thường; không đồng ý, bà Đ khiếu nại và tại quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 04/4/2014, Chủ tịch UBND thị xã Q không chấp nhận khiếu nại của bà Đ, nên bà Đ tiếp tục có đơn khiếu nại, tại Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh đã đồng ý với Quyết định số 2195 của Chủ tịch UBND thị xã Q. Tuy nhiên, Quyết định giao cho UBND thị xã Q xác định rõ phần diện tích đất thuộc thửa 181 bản đồ địa chính năm 1993 do hộ bà Trần Thị Đ quản lý, sử dụng nhưng chưa được cấp GCNQSD đất năm 2011 và phần diện tích thuộc hành lang giao thông nhưng đã cấp vào GCNQSD đất số 431349, trên cơ sở đó điều chỉnh phương án bồi thường đất ở cho hộ bà Trần Thị Đ theo đúng quy định pháp luật. Thực hiện Quyết định số 740 UBND thị xã Q đã phân tích, xác định trên cơ sở đó điều chỉnh phương án bồi thường và ban hành Quyết định số 2562. Như vậy, Quyết định 2562 ban hành đúng thẩm quyền, trình tự phù hợp với pháp luật.

[4]. Xét nguồn gốc sử dụng đất của hộ bà Trần Thị Đ thấy rằng: Gia đình bà Đ sử dụng thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 6 năm 1993 với diện tích là 600m^2; năm 1996 nhà nước thu hồi tạm thời 55,3m^2 sau đó đã trả lại cho bà Đ. Như vậy, xét nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà Đ lúc đầu chỉ là 600m^2.

Theo hồ sơ giải phóng mặt bằng Quốc lộ 18 năm 1996 thì thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính số 6 có cạnh AB tiếp giáp Quốc lộ 18, trong đó điểm A nằm trên chỉ giới thu hồi vĩnh viễn cách tim đường Quốc lộ 18 là 7,9m và điểm B nằm trên chỉ giới thu hồi tạm thời cách tim đường Quốc lộ 18 là 12,9m và đến năm 2009, hộ bà Trần Thị Đ được cấp GCNQDS đất số 108171 với diện tích 600m^2, trong đó 400m^2 là đất ở và 200m^2 là đất trồng cây lâu năm, cũng trong năm 2009 hộ bà Đ xin cấp GCNQSD đất cho phần diện tích đất trồng cây lâu năm nằm tiếp giáp phía sau thửa đất số 181 và được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất số H 06713 ngày 09/12/2009 với diện tích là 752m^2 (Được ký hiệu là thửa 181/1).

Năm 2010, bà Đ xin chuyển mục đích sử dụng 85m^2 đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở (trong đó có 60m^2 thuộc thửa số 181/1 và 25m^2 thuộc thửa số 181); sau đó bà Đ được cấp GCNQSD đất số 431056 (sau đây gọi tắt là GCNQSD đất số 431056) với diện tích 1.352m, trong đó đất ở 485m^2, đất trồng cây lâu năm 867m^2; đến tháng 01/2011 hộ bà Đ tách thửa chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Â 140 m^2 đất ở nên được điều chỉnh cấp lại GCNQSD đất số 431349 với diện tích 1.212m^2; trong đó đất ở 345m^2, đất trồng cây lâu năm 867m^2. Tuy nhiên, theo GCNQSD đất số 431349 thì cạnh AB của thửa đất có điểm A cách tim Quốc lộ 18 là 10,9m và điểm B cách tim Quốc lộ 18 là 11,8m. Do việc xác định ranh giới, diện tích thửa đất số 181 tờ bản đồ số 6 khi lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ bà Trần Thị Đ chưa đúng với ranh giới bản đồ địa chính năm 1993, nên ngày 26/6/2014 UBND thị xã Q đã ban hành Quyết định số 4017/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất số BD 431349 ngày 10/01/2011 đã cấp cho ông Lê Đức Thịnh và bà Trần Thị Đ.

Sau khi các cơ quan chuyên môn của Thị xã Q phân tích, xác định được phần diện tích đất thuộc thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính năm 1993 do hộ bà Đ quản lý, sử dụng nhưng chưa được cấp vào GCNQSD đất số 431349 và một phần đất thuộc đất hành lang giao thông Quốc lộ 18 (nằm ngoài thửa 181) nhưng đã cấp vào GCNQSD đất số 431349 cho hộ bà Đ. Cụ thể: Trong số 153,3m^2 đất bị thu hồi chỉ có 37,5m^2 thuộc đất ở của hộ bà Đ, gồm có 10,4m^2 là đất thuộc thửa số 181 nhưng không nằm trong GCNQSD đất số 431349 (được giới hạn bởi các điểm 1,8,A',1) và 27,1m^2 đất ở thuộc thửa 181 (được giới hạn bởi các điểm 6, 7, A', 8, 6) nằm trong GCNQSD đất số 431349; còn lại diện tích 115,8m^2 không phải đất của hộ bà Đ nên không được bồi thường, hỗ trợ, gồm: 29,54m^2 (giới hạn bởi các điểm 5,6,8, B, 5) là diện tích đất tuy nằm trong

GCNQSD đất số 431349 nhưng không thuộc thửa 181 bản đồ địa chính số 6 mà là đất hành lang Quốc lộ 18 và 86,26m^2 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, B, 1) là đất nằm ngoài thửa 181 và nằm ngoài GCNQSD đất số 431349. Căn cứ kết quả này UBND thị xã Q đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ (điều chỉnh giảm trừ) đối với hộ bà Trần Thị Đ và ngày 11/7/2016 UBND thị xã Q đã ban hành Quyết định số 2562/QĐ-UBND.

Như vậy, việc UBND thị xã Q thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn thành phố Uông Bí - thành phố Hạ Long đối với hộ Bà Trần Thị Đ tại các Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 19/7/2012, Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 và Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 là đúng quy định pháp luật; bà Trần Thị Đ cho rằng, diện tích đất bị thu hồi bà sử dụng ổn định từ năm 1989 đến nay, nhưng không có căn cứ để chứng minh, nên yêu cầu của bà không được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Quyết định số 2562/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của UBND thị xã Q ban hành đúng trình tự, có căn cứ pháp luật, phù hợp với thực tế đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Trần Thị Đ; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới; nên người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận; tại phiên Tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5]. Về án phí: Người kháng cáo không được chấp nhận kháng cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật hành tố tụng chính năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Đ; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2017/HC-ST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải nộp 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000795 ngày 25/12/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Xác nhận bà Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Thái Duy Nhiệm